

Số: 1983/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 28 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình Cải tạo, nâng cấp tuyến đường vào khu sản xuất thôn Nà Táng, xã Bình Xá, huyện Đình Lập thuộc Hợp phần bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Hồ chứa nước Bản Lải giai đoạn 1, tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 151/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo kết quả thẩm đề nghị phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành số 583/BC-STC ngày 23/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành

1. Tên công trình: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường vào khu sản xuất thôn Nà Táng, xã Bình Xá, huyện Đình Lập thuộc Hợp phần bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Hồ chứa nước Bản Lải giai đoạn 1, tỉnh Lạng Sơn.
2. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
3. Địa điểm xây dựng: xã Bình Xá, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.
4. Thời gian khởi công: tháng 10/2020; thời gian hoàn thành: tháng 5/2023.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán được phê duyệt
Tổng số		3.465.084.000	2.932.537.000
1	Chi phí giải phóng mặt bằng	400.000.000	236.380.000
2	Xây dựng	2.528.408.000	2.356.386.000
3	Quản lý dự án	67.486.000	67.485.000
4	Tư vấn	253.722.000	252.926.000
5	Chi phí khác	69.084.000	19.360.000
6	Chi phí dự phòng	146.384.000	0

2. Vốn đầu tư

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng dự toán được duyệt	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị được quyết toán	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được duyệt
1	2	3	4	5	6=4-5	7
Tổng số		3.465.084.000	2.932.537.000	2.479.783.000	452.754.000	0
1	Nguồn vốn đầu tư công	3.465.084.000	2.932.537.000	2.479.783.000	452.754.000	0
-	Vốn TPCP do Bộ NN&PTNT quản lý:	3.465.084.000	2.479.783.000	2.479.783.000	0	0
-	Vốn ngân sách tỉnh:		452.754.000	0	452.754.000	0
2	Nguồn vốn khác	0	0	0	0	0

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
		Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)
Tổng số		0		2.932.537.000	
1	Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	0		2.932.537.000	
2	Tài sản ngắn hạn	0			

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: không.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

a) Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là *Đơn vị tính: đồng*

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Tổng số		2.932.537.000	
1	Nguồn vốn đầu tư công:	2.932.537.000	
-	Vốn TPCP do Bộ NN&PTNT quản lý	2.479.783.000	
-	Vốn ngân sách tỉnh	452.754.000	
2	Nguồn vốn khác	0	

b) Các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán:

- Tổng phải thu: 0 đồng;

- Tổng nợ phải trả: 452.754.000 đồng.

(Chi tiết các khoản công nợ tại Phụ lục số 01 đính kèm).

c) Thực hiện bàn giao tài sản, hồ sơ công trình cho đơn vị tiếp nhận tài sản theo quy định.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản.

a) Được phép ghi tăng tài sản *Đơn vị tính: đồng*

Số TT	Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
1	UBND xã Bình Xá, huyện Đình Lập	2.932.537.000	0

b) Thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Đình Lập, Chủ tịch UBND xã Bình Xá, huyện Đình Lập và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh, Phòng TH, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT_(PVD).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lương Trọng Quỳnh

Phụ lục 01**TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN***(Kèm theo Quyết định số: 1983 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)**Đơn vị: đồng*

STT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị quyết toán	Giá trị thanh toán, tạm ứng	Công nợ đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
1	2	3	4	5	6=4-5	7	8
	Tổng số		2.932.537.000	2.479.783.000	452.754.000	0	
1	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đình Lập	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	236.380.000	236.380.000	0		
2	Công ty TNHH xây dựng Thăng Lợi	Chi phí xây dựng	2.356.386.000	2.017.350.000	339.036.000		
3	Công ty cổ phần tư vấn xây dựng giao thông Lạng Sơn	Chi phí lập BCKTKT	163.989.000	147.989.000	16.000.000		
4	Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Bắc Hưng Hải	Chi phí giám sát thi công xây dựng	80.985.000	0	80.985.000		
5	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình NN và PTNT	Chi phí Quản lý dự án	67.485.000	67.485.000	0		
		Chi phí lập HSMT	3.578.000	3.578.000	0		
		Chi phí đánh giá HSDT	4.374.000	4.374.000	0		
6	Sở Nông nghiệp và PTNT Lạng Sơn	Chi phí thẩm định HSMT	1.149.000	1.149.000	0		
		Chi phí thẩm định KQLCNT	1.149.000	1.149.000	0		
7	Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	16.733.000		16.733.000		
8	Sở Giao thông vận tải Lạng Sơn	Chi phí thẩm định dự án	329.000	329.000	0		